|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH TUYÊN QUANG**Số: /2025/QĐ-UBND***(DỰ THẢO)*** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập ‑ Tự do ‑ Hạnh phúc***Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội**

 **thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng**

**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 thang 02 năm
2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2025;*

*Sở Y tế kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định Quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; tổ chức dịch vụ chi trả và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội.

**Điều 2. Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả**

1. Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội: Chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

2. Các chính sách chi trả qua tổ chức dịch vụ chi trả:

Chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

Chi phí mai táng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

Chính sách hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc nhà nước khu vực VII, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi trả trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn đảm bảo đúng quy định. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong quá trình thực hiện chi trả (nếu có).

2. Sở Tài chính, Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc nhà nước khu vực VII: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả và trực tiếp ký hợp đồng thực hiện dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn với tổ chức dịch vụ chi trả đảm bảo theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội để thực hiện nhiệm vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo Quyết định này trên địa bàn.

c) Theo dõi, kiểm tra đơn vị chi trả đảm bảo thực hiện đúng chế độ quy định. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong quá trình thực hiện chi trả (nếu có).

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …/…/2025.

2. Thay thế Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 10/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính; Trưởng Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc nhà nước khu vực VII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Chính phủ;- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Chính phủ;- Các Bộ: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;- Thường trực Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh;- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;- Vụ Pháp chế các Bộ: LĐTBXH, TC;- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;- Như điều 4 (thi hành);- Sở Tư pháp (tự kiểm tra và đăng tải CSDL);- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Báo Tuyên Quang;- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;- Công báo tỉnh Tuyên Quang;- Lưu: VT, THVX (…). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |